TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2020/HS-ST
Ngày: 31/3/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Ngọc Trí**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Văn Chánh** - Cán bộ hưu trí.
Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Trần Nhàn** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* **Ông Lê Duy Bình** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2020/TLST - HS ngày 14 tháng 2 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 2 năm 2020, và quyết định hoãn phiên tòa số 202/2020-HSST-QĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên Nguyễn Hồng N, sinh năm: 1994, tại Lâm Đồng

Tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: số 555/3, tổ 14, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: không; Giới tính: nam; Trình độ học vấn: 09/12; Đảng viên: không; Con ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1960 và bà Đào Thị T, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 26 tháng 6 năm 2019 bị Ủy ban nhân nhân phường L, thành phố B xử phạt vi phạm hành chính 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) về hành vi tàng trữ dao nhằm mục đích gây thương tích cho người khác.

Nhân thân: Tại bản án số 272/2014/HSST ngày 21/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt bị cáo N 01 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Bị bắt ngày 06/12/2019. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an thành phố B.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1994
Địa chỉ: Số 59, Tổ 4, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo N có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hồng N và anh Nguyễn Văn T (sinh năm 1994, ngụ tại: thôn 8, xã Q, huyện Y, tỉnh T) là bạn với nhau. Vào khoảng 23 giờ ngày 04 tháng 12 năm 2019, N đến ngủ nhờ tại phòng trọ của anh T địa chỉ số 54, tổ 4, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Đến 04 giờ 30 phút ngày 05 tháng 12 năm 2019, N thức dậy và hỏi mượn chiếc xe môtô hiệu Honda AirBlade màu đỏ bạc đen, biển số 36B4-848.99 của anh T đang dựng trong phòng trọ nhưng anh T không cho mượn. Lúc này, N nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên của anh T. Thực hiện ý định trên, N giả vờ nói anh T chở N đến khu vực bồn nước phường A, thành phố B để tìm cơ hội chiếm đoạt chiếc xe trên của anh T, tưởng thật nên anh T đồng ý nhưng do xe gần hết xăng nên anh T nói xe hết xăng thì N giả vờ nói anh T chở N về nhà N tại địa chỉ 555/3, tổ 14, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để xin tiền đổ xăng. Khi về đến nhà, N giả vờ đi vào phía trong nhà rồi đi ra nói anh T để N điều khiển xe thì anh T đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe chở anh T đến trạm xăng dầu Tín Nghĩa trên Quốc lộ 51 đoạn thuộc khu phố 2, phường L, thành phố B, lợi dụng anh T đang hút thuốc lá, N nói anh T xuống xe đứng chờ phía ngoài để N vào đổ xăng. N điều khiển xe vào bên trong trạm xăng cầm cố 01 chiếc hộp quẹt hiệu Zippo cho nhân viên trạm xăng để đổ xăng tương đương số tiền 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng), sau đó N điều khiển xe đi theo lối ra khác, né vị trí anh T đang đứng, chiếm đoạt chiếc xe trên của anh T mang đến tiệm game bắn cá "Sáu Hòa Phát" ở khu phố 1, phường L, thành phố B. Tại đây, N được đối tượng tên Mạnh (không rõ họ và địa chỉ) cầm xe giùm với số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng thực tế N chỉ nhận được số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) do bên cầm đồ trừ luôn số tiền lãi suất cầm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và N cho Mạnh số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Số tiền có được, N dùng để chơi game và tiêu xài hết số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), còn lại số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) N giữ trên người và đi đến nhà nghỉ "Hoa Mai" thuộc khu phố L, phường L, thành phố B thuê phòng để nghỉ thì bị Công an phường L kiểm tra, N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên nên Công an phường L lập hồ sơ và chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để điều tra xử lý.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc xe môtô hiệu Honda Air Blade biển số 36B4-848.99, màu đỏ bạc đen, biển số 36B4-848.99, số máy: 1311384, số khung: 311363, là tài sản của anh Nguyễn Văn T. Sau khi chiếm đoạt được của anh T, N đã cầm thông qua đối tượng Mạnh (không rõ họ và địa chỉ) nên Cơ quan điều tra không thu được.

Số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) thu giữ của bị cáo N là tiền có được từ việc phạm tội.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 613/TCKH-HĐĐG ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: "01 chiếc xe môtô hiệu Honda Air Blade màu đỏ bạc đen, biển số 36B4-848.99, số máy: 1311384, số khung: 311363, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại 70%. Trị giá 26.593.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn đồng)".

Về dân sự: Bị hại là anh Nguyễn Văn T yêu cầu Nguyễn Hồng N phải bồi thường cho anh T số tiền 26.593.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn đồng). Hiện bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 102/CT-VKSBH ngày 12 tháng 2 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Hồng N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", xử phạt bị cáo mức án từ 12 tháng đến 14 tháng tù giam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hồng N thừa nhận vào khoảng 04 giờ 30 phút ngày 05 tháng 12 năm 2019 bị cáo Nguyễn Hồng N đã có hành vi gian dối chiếm đoạt 01 chiếc xe môtô hiệu Honda Air Blade màu đỏ bạc đen, biển số 36B4-848.99, trị giá 26.593.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) của anh Nguyễn Văn T thì bị phát hiện, điều tra xử lý. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có đầy đủ khả năng nhận thức pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt và cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc xe môtô hiệu Honda Air Blade biển số 36B4-848.99, màu đỏ bạc đen, anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo N phải bồi thường số tiền 26.593.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn đồng). Tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền trên. Việc bị cáo bồi thường là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử

ghi nhận. Như vậy, buộc bị cáo N phải bồi thường cho anh T số tiền 26.593.000đ (Hai mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn đồng).

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc xe môtô hiệu Honda Air Blade biển số 36B4-848.99, màu đỏ bạc đen, biển số 36B4-848.99, số máy: 1311384, số khung: 311363, là tài sản của anh Nguyễn Văn T. Sau khi chiếm đoạt được của anh T, bị cáo N đã cầm thông qua đối tượng Mạnh (không rõ họ và địa chỉ) nên Cơ quan điều tra không thu được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) do bị cáo N có được từ việc phạm tội. (Theo biên lai thu tiền số 09908 ngày 31/3/2020 của của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B).

[8] Về án phí: Bị cáo N phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm và 1.329.650đ án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hồng N 1 (Một) năm 4 (Bốn) tháng tù** . Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2019.

2. Áp dụng Điều 357, 468, 589 Bộ luật Dân sự và Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Hồng N phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền 26.593.000đ (Hai mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) do bị cáo N có được từ việc phạm tội.

Theo biên lai thu tiền số 09908 ngày 31/3/2020 của của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B.

4.Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.329.650đ (Một triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố B;
- Nhà tạm giữ CA thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Trí